

Bản án: 63/2022/HS- ST
Ngày 09 tháng 11 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bê.
2. Ông Vũ Văn Hưng.
3. Ông Đỗ Văn Long.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Hoài Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện VKSND tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Thân M Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử C khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2022/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Sỹ C**, sinh năm 1968.

Nơi ĐKKH thường trú: thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh B; Nơi tạm trú: thôn Thủ Dương, xã Nam Dương, huyện LN, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 02/12; Họ và tên bố: Nguyễn Sỹ Sáng, sinh năm 1940; Họ và tên mẹ: Đạt Thị Niệm, sinh năm 1947; Gia đình có 2 chị em, bị cáo là thứ hai; Vợ: Bằng Thị L, sinh năm 1969; Con: Có 4 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 20/8/1997, Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh B xử phạt 09 tháng tù về tội “Vi phạm chế độ một vợ một chồng”; 09 tháng tù về tội “Chứa mại dâm”; 18 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”. Tổng hợp hình phạt của 3 tội là 03 năm tù.

- Ngày 28/9/2004, Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh B xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Ngày 05/6/2013, Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 15 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”.

- Ngày 08/3/2016, Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 18 tháng tù về tội “Chứa mại dâm”.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam C an tỉnh B. (Có mặt tại phiên tòa).

+ **Người bào chữa cho bị cáo C:** Ông Dương Minh K và bà Nguyễn Thị Lan- Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Dương Minh Nhâm- Đoàn luật sư tỉnh B. (Bà Lan có mặt, ông K vắng mặt).

+ **Bị hại:**

1. Anh Lê Đức M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ dân phố Trường Chinh, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh B. (Có mặt).

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Đặng C K, sinh năm: 1990 và chị Phạm Thị Nhâm, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố Trường Chinh, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh B.

Chị Nhâm Ủy quyền cho anh K (theo văn bản ủy quyền ngày 01/7/2022), (anh K có mặt, chị Nhâm vắng mặt).

2. Bà Bằng Thị L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn Thủ Dương, xã Nam Dương, huyện LN, tỉnh B. (Có mặt).

+ **Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Văn Vinh, sinh năm: 1976. (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Trung Nghĩa, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Sỹ C bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố về hành vi phạm tội như sau: Nguyễn Sỹ C, sinh năm 1968, trú tại thôn Thủ Dương, xã Nam Dương, huyện LN, tỉnh B làm nghề tự do. Đầu năm 2018, C mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova sau đó làm thủ tục đăng ký, đến ngày 12/02/2018 được Phòng Cảnh sát giao thông C an tỉnh B cấp Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031870 mang tên Nguyễn Sỹ C, biển số 98A-169.47. C khai, do cần tiền chữa bệnh nên đầu tháng 5/2019 C đem chiếc xe ô tô trên cùng giấy tờ xe cầm cố tại cửa hàng cầm đồ tại thành phố Hà Nội vay 350.000.000 đồng. Khoảng 10 ngày sau C trả tiền, lấy lại xe ô tô cùng giấy tờ xe. Tháng 7/2019, C kiểm tra túi đựng giấy tờ xe thì phát hiện thấy có 02 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031870 giống nhau, tuy nhiên có 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô có nét mực in mờ hơn nên C biết là Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả nhưng C không trình báo và giao nộp mà cất giữ.

Ngày 17/12/2019, C điều khiển xe ô tô đến nhà anh Đặng C K, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố Làng Chũ, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh B đặt vấn đề cầm cố chiếc xe ô tô cùng giấy tờ xe để vay tiền. Sau khi kiểm tra, anh K đồng ý nhận cầm cố chiếc xe trên cho C vay số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 1.500 đồng/triệu/ngày, C đồng ý. Do trị giá chiếc xe ô tô tương đương với số tiền nhận cầm cố nên anh K không yêu cầu C ký hợp đồng cầm cố mà yêu cầu C viết giấy bán xe giao anh K giữ cùng Chứng nhận đăng ký xe ô tô thật, 01 Giấy chứng nhận kiểm định, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm và 01 Giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Sỹ C; đồng thời C viết giấy mượn lại chiếc xe ô tô trên để đi lại.

Ngày 23/10/2020, C cùng anh K đến Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 98-05D chi nhánh C ty cổ phần thương mại và dịch vụ Tuấn Duy làm thủ tục đăng kiểm và được cấp Giấy chứng nhận kiểm định số 4234614. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận kiểm định, C hỏi mượn lại của anh K Giấy chứng nhận kiểm định này để đi

làm bảo hiểm thân vỏ xe ô tô, anh K đồng ý.

Do không có tiền trả lãi cho anh K và chi tiêu cá nhân nên C đã nảy sinh ý định sử dụng Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để bán chiếc xe ô tô biển số 98A-169.47 đã cầm cố cho anh K trước đó. Ngày 29/8/2021, C liên hệ và nhờ bạn là anh Nguyễn Văn Vinh, sinh năm 1976, trú tại tổ dân phố Trung Nghĩa, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh B tìm người mua xe và được anh Vinh giới thiệu C đến gặp anh Lê Đức M, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố Trường Chinh, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh B. Buổi tối cùng ngày, C điều khiển xe ô tô đón, chở anh Vinh đến nhà anh M. Tại đây, C đặt vấn đề bán chiếc xe ô tô trên cho anh M. Sau khi kiểm tra xe ô tô và Chứng nhận đăng ký xe ô tô thấy trùng khớp, do tin tưởng nên anh M đồng ý mua chiếc xe ô tô trên với giá 500.000.000 đồng. C viết giấy cam kết bán xe, giao xe ô tô cùng Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, Giấy chứng nhận kiểm định, Giấy chứng nhận bảo hiểm, Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu cho anh M giữ. Toàn bộ số tiền bán xe có được, C khai sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Anh Lê Đức M khai khoảng tháng 11/2021, anh M đem xe ô tô cùng giấy tờ xe đến bán cho Garaô tô tại thành phố Bắc Ninh thì phát hiện Chứng nhận đăng ký xe ô tô là giả nên yêu cầu C trả lại tiền nhưng C không trả. Ngày 30/3/2022, anh Lê Đức M có đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova biển số 98A-169.47, 01 Giấy cam kết bán xe đề ngày 29/8/2021, 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031870 mang tên Nguyễn Sỹ C, biển số 98A-169.47, 01 Giấy chứng nhận kiểm định, 01 Giấy chứng minh nhân dân và 01 Sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Sỹ C.

Cùng ngày 30/3/2022, anh Đặng C K có đơn trình báo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 Giấy cam kết bán xe đề ngày 17/12/2019, 01 Giấy mượn xe đề ngày 17/12/2019, 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031870 mang tên Nguyễn Sỹ C, biển số 98A-169.47, 01 Giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Sỹ C. Ngày 31/3/2022, Cơ quan điều tra triệu tập Nguyễn Sỹ C đến làm việc. Tại đây C xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu SamSung có số Imei1: 352141100509138.

Cơ quan điều tra trung cầu giám định: Giấy cam kết bán xe đề ngày 29/8/2021, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031870, Giấy chứng nhận kiểm định, Giấy chứng minh nhân dân và 01 Sổ hộ khẩu do anh Lê Đức M giao nộp; Giấy cam kết bán xe đề ngày 17/12/2019, Giấy mượn xe đề ngày 17/12/2019, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031870, Giấy phép lái xe mô tô số 240141707376 do anh Đặng C K giao nộp.

Kết luận giám định số 494 ngày 01/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự-C an tỉnh B kết luận:

- Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031870 mang tên Nguyễn Sỹ C - 1968, địa chỉ: Thôn Nghĩa, Nghĩa Hồ, LN, B, biển số đăng ký 98A-169.47 thu giữ của Đặng C K là thật.

- Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031870 mang tên Nguyễn Sỹ C - 1968, địa chỉ: Thôn Nghĩa, Nghĩa Hồ, LN, B, biển số đăng ký 98A-169.47 thu giữ của Lê Đức M là giả.

Kết luận giám định số 697 ngày 07/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự-C an tỉnh B kết luận: Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết có nội dung “C-Nguyễn Sỹ C” dưới các mục “Người bán xe”, “Người mượn xe”, “Người bán ký tên” trên giấy cam kết bán xe đề ngày 17/12/2019, giấy mượn xe đề ngày 17/12/2019, giấy cam kết bán xe đề ngày 29/8/2021 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Sỹ C trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Kết luận giám định số 1140 ngày 04/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự-C an tỉnh B kết luận:

- Phôi Giấy chứng nhận kiểm định số KD 4234614 gửi giám định là thật, nội dung không bị tẩy xóa, sửa chữa; Hình dấu tròn có nội dung “Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 98-05D-chi nhánh C ty cổ phần thương mại và dịch vụ Tuấn Duy” trên Giấy chứng nhận kiểm định so với hình dấu có cùng nội dung trên tài liệu mẫu là do cùng một con dấu đóng ra; Chữ ký mang tên Nguyễn Quang Long trên Giấy chứng nhận kiểm định so với chữ ký của Nguyễn Quang Long trên tài liệu mẫu là do cùng một người ký ra.

- Phôi Sổ hộ khẩu số 040466087 gửi giám định là thật, nội dung không bị tẩy xóa, sửa chữa; chữ ký mang tên Lý Minh Tư trên Sổ hộ khẩu so với chữ ký của Lý Minh Tư trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký ra; hình dấu tròn có nội dung “C an xã Nghĩa Hồ-C an H.LN T.B” trên Sổ hộ khẩu so với hình dấu tròn của C an xã Nghĩa Hồ trên tài liệu mẫu là do cùng một con dấu đóng ra.

- Giấy phép lái xe hạng A1 số 240141707376 mang tên Nguyễn Sỹ C gửi giám định là thật.

- Giấy chứng minh nhân dân số 121980150 mang tên Nguyễn Sỹ C gửi giám định là thật.

Cơ quan điều tra trưng cầu định giá chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova biển số 98A-169.47. Tại Kết luận định giá tài sản số 103 ngày 11/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện LN kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova biển số 98A-169.47 thời điểm tháng 8/2021 có trị giá 550.000.000 đồng, thời điểm tháng 3/2022 có trị giá 500.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra trưng cầu giám định tình trạng tâm thần của Nguyễn Sỹ C. Tại bản kết luận giám định số 103 ngày 26/8/2022 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc kết luận: Nguyễn Sỹ C không bị bệnh tâm thần; tại thời điểm ngày 17/12/2019 và ngày 29/8/2021 Nguyễn Sỹ C không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi; hiện tại Nguyễn Sỹ C không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra, Nguyễn Sỹ C khai cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển số 98A.169.47 cùng Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cho Lê Đức M để vay 500.000.000 đồng, lãi suất 1.500 đồng/triệu/ngày. Tuy nhiên, anh M khai mua chiếc xe ô tô trên của C. Cơ quan điều tra cho C đối chất với anh M nhưng các bên giữ nguyên lời khai.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Bằng Thị L là vợ bị can C đã trả lại cho người bị hại là anh Lê Đức M số tiền 150.000.000 đồng. Anh M yêu cầu bị can C trả tiếp số

tiền 350.000.000 đồng; người có quyền lợi liên quan là anh Đặng C K yêu cầu bị can C trả lại số tiền 600.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án:

- 01 Giấy cam kết bán xe đề ngày 17/12/2019; 01 Giấy mượn xe đề ngày 17/12/2019 và 01 Giấy cam kết bán xe đề ngày 29/8/2021 được đưa vào hồ sơ vụ án.

- Vật chứng còn tạm giữ gồm 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 240141707376 mang tên Nguyễn Sỹ C; 01 Chứng minh nhân dân số 1219800150 mang tên Nguyễn Sỹ C; 01 Giấy chứng nhận kiểm số 4234614; 01 Sổ hộ khẩu số 040466087; 02 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031870; 01 điện thoại nhãn hiệu SamSung Imeil số 352141100509138/01; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova, biển kiểm soát 98A-169.47 đã được chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh B theo Quyết định chuyển vật chứng số 22 ngày 12/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B.

Tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 25/KSĐT ngày 28/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Sỹ C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Sỹ C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nhưng bị cáo nhận thức, hành vi của bị cáo chỉ bị truy tố ở khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự chứ không phải là khoản 4 như cáo trạng truy tố.

Bị cáo trình bày: Do không có tiền chi tiêu nên ngày 29/8/2021 bị cáo đã sử dụng chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 031870, biển số 98A-169.47 mang tên Nguyễn Sỹ C bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova, biển số 98A-169.47 cho anh Lê Đức M để chiếm đoạt 500.000.000 đồng (Chiếc xe ô tô này cùng Chứng nhận đăng ký xe ô tô thật số 031870, trước đó ngày 17/12/2019 bị cáo đã cầm cố vay anh Đặng C K số tiền 600.000.000 đồng và mượn lại chiếc xe ô tô để sử dụng). Toàn bộ số tiền bán xe có được, bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Bị cáo đồng ý trả cho anh M số tiền còn lại 350.000.000 đồng, bị cáo không đồng ý bồi thường số tiền 600.000.000 đồng cho anh K. Vì bị cáo chỉ cầm cố xe cho anh K với số tiền 200.000.000 đồng chứ không bán xe cho anh K, khi viết giấy bán xe cho anh M bị cáo chỉ được cầm số tiền 492.000.000 đồng chứ không phải là 500.000.000 đồng như ghi trong giấy bán xe, nên bị cáo nhận thức mình chỉ bị truy tố ở khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Nay gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh M được số tiền 150.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nốt cho anh M số tiền còn lại là 350.000.000 đồng nhưng cho gia đình bị cáo trả dần. Đối với chiếc xe Innova nay bị cáo không đồng ý bán cho anh M và anh K, bị cáo đề nghị trả lại cho bị cáo.

Bị hại là anh Lê Văn M có mặt tại phiên tòa và trình bày như sau: Gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh số tiền 150.000.000 đồng. Số tiền còn lại

350.000.000đồng anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh. Nếu bị cáo và gia đình bị cáo bồi thường đủ cho anh thì anh xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng C K có mặt tại phiên tòa và trình bày: Bị cáo đã cầm cố chiếc xe Toyota Innova vay của anh số tiền 600.000.000đồng. Bị cáo chưa trả cho anh được đồng tiền gốc nào nên anh yêu cầu bị cáo phải trả cho anh số tiền 600.000.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bằng Thị L có mặt tại phiên tòa và trình bày: Bà là vợ của bị cáo C, bị cáo đã tác động tới gia đình để bồi thường cho anh M, bà đã thay mặt bị cáo bồi thường cho anh M số tiền 150.000.000đồng, bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà. Đối với chiếc xe ô tô Toyota Innova là tài sản chung của bị cáo và bà, bà đề nghị trả cho bị cáo để bị cáo và gia đình thực hiện việc bồi thường cho anh M.

Người làm chứng là anh Nguyễn Văn Vinh vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại cơ quan điều tra như sau: Anh với anh M có mối quan hệ họ hàng với nhau, biết anh M hay mua bán xe ô tô và biết C muốn bán xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova của C nên anh giới thiệu C với M. Tối ngày 29/8/2021, anh đưa C đến nhà M. Tại đây anh giới thiệu hai bên để trao đổi mua bán ô tô. Sau đó anh đi ra ngồi uống nước ở sân nhà M. Còn việc trao đổi, mua bán, ký kết như thế nào thì anh không rõ. Ngoài ra, anh không chứng kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Sỹ C từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 15 năm 06 tháng đến 16 năm 06 tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 31/3/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh Nguyễn Văn M 350.000.000đồng; Bồi thường cho anh Đặng C K số tiền 600.000.000đồng. Ngoài ra, còn đề nghị giải quyết về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo. Người bào chữa cho bị cáo C trình bày tranh luận: Nhất trí với bản Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đề nghị. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo về việc bị cáo khai báo thành khẩn, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo đầu thú và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên áp dụng cho bị cáo điểm s,b khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo C đồng ý với quan điểm bào chữa của luật sư bào chữa và không có ý kiến tranh luận gì.

Anh M tranh luận: Đề nghị hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho anh chiếc xe.

Anh K trình bày: Anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì chiếc xe ban đầu là do bị cáo cầm cố cho anh.

Kiểm sát viên đối đáp với luật sư bào chữa cho bị cáo: Giữ nguyên quan điểm đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Nhâm vắng mặt nhưng ủy quyền cho anh Đặng C K; Người làm chứng là anh Nguyễn Văn Vinh đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Xét hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Ngày 29/8/2021, Nguyễn Sỹ C đã sử dụng Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 031870, biển số 98A-169.47 mang tên Nguyễn Sỹ C bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển số 98A-169.47 cho anh Lê Đức M, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố Trường Chinh, thị trấn Chũ, huyện LN, tỉnh B chiếm đoạt 500.000.000 đồng (Chiếc xe ô tô này cùng Chứng nhận đăng ký xe ô tô thật số 031870, trước đó ngày 17/12/2019 C đã cầm cố vay anh Đặng C K số tiền 600.000.000 đồng và mượn lại chiếc xe ô tô để sử dụng). Toàn bộ số tiền bán xe có được, C đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tại phiên tòa bị cáo cho rằng bị cáo chỉ cầm cố xe cho anh M với số tiền 492.000.000 đồng chứ không phải bị cáo bán xe cho anh M với số tiền 500.000.000 đồng như ghi trong giấy cam kết bán xe. Tuy nhiên, bị cáo không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc bị cáo cầm cố xe cho anh M. Bị cáo đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng của anh M.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Sỹ C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất của vụ án thì thấy: Hành vi của bị cáo Nguyễn Sỹ C thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm vào quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm vào hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng đến quyền về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tổ chức, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, phải có hình phạt tù thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

+ Về nhân thân:

- Ngày 20/8/1997, Toà án nhân dân huyện LN, tỉnh B xử phạt 09 tháng tù về tội “Vi phạm chế độ một vợ một chồng”; 09 tháng tù về tội “Chứa mại dâm”; 18 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”. Tổng hợp hình phạt của 3 tội là 03 năm tù.

- Ngày 28/9/2004, Toà án nhân dân huyện LN, tỉnh B xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Ngày 05/6/2013, Toà án nhân dân tỉnh B xử phạt 15 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”.

- Ngày 08/3/2016, Toà án nhân dân tỉnh B xử phạt 18 tháng tù về tội “Chứa mại dâm”.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị đưa ra xét xử về hình sự nhưng không lấy đó là bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật.

+ Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo đã tác động tới gia đình bồi thường cho bị hại là anh M số tiền 150.000.000đồng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

+ Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6]. Xét đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu đã nhiều lần bị đưa ra xét xử về hình sự, số tiền bị cáo chiếm đoạt lớn nên không có căn cứ để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[7]. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cần xử phạt bị cáo mức hình

phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội với mức hình phạt như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp và có căn cứ.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 khoản Điều 174, khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự còn quy định về hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, số tiền bị cáo chiếm đoạt chưa bồi thường hết được cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9]. Do bị cáo Nguyễn Sỹ C đang bị tạm giam nên cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự.

Bị hại là anh Lê Văn M yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh K yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền đã vay, việc yêu cầu bồi thường của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Do bị cáo chiếm đoạt và chưa bồi thường hết cho bị hại nên cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh Lê Đức M số tiền 350.000.000đồng.

Việc bị cáo không đồng ý bồi thường cho anh K số tiền 600.000.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo đã cầm cố và viết giấy bán xe, giấy mượn xe và bị cáo thừa nhận có nợ của anh K và số tiền 600.000.000đồng bị cáo vay của anh K liên quan đến chiếc xe trong vụ án. Do đó, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đặng C K số tiền 600.000.000đồng đã vay.

[11]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo những giấy tờ bao gồm: 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 240141707376 mang tên Nguyễn Sỹ C; 01 Chứng minh nhân dân số 1219800150 mang tên Nguyễn Sỹ C; 01 Sổ hộ khẩu số 040466087 mang tên Nguyễn Sỹ C;

Trả lại bị cáo: 01 Giấy chứng nhận kiểm số 4234614; 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031870 thật; 01 điện thoại nhãn hiệu SamSung Imeil số 352141100509138/01; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 98A-169.47 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031870, mang tên Nguyễn Sỹ C giả.

[12]. Những vấn đề khác: Nguyễn Sỹ C khai thấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả trong túi đựng giấy tờ xe do cửa hàng cầm đồ tại thành phố Hà Nội trả. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên không nhớ tên, địa chỉ của cửa hàng cầm đồ. Do đó, không có căn cứ xem xét làm rõ.

Ngoài ra, ngày 14/01/2020, Nguyễn Sỹ C còn cầm cố cho anh Đặng C K chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH biển số 98B1-166.68 là xe của anh Nguyễn Sỹ M, con trai C để vay 70.000.000 đồng, lãi suất 1.500đồng/triệu/ngày, sau đó vay thêm 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy trước khi đem xe mô tô đi cầm cố, C đã

hỏi và được anh M đồng ý. Anh M không yêu cầu, đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đặng C K không có giấy phép kinh doanh dịch vụ cầm đồ nhưng đã có hành vi nhận cầm cố chiếc xe ô tô biển số 98A-169.47 để cho Nguyễn Sỹ C vay 600.000.000 đồng; nhận cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH biển số 98B1-166.68 để cho C vay tổng số 120.000.000 đồng. Xét thấy hành vi nêu trên của Đặng C K không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Ngày 29/8/2022 C an tỉnh B đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đặng C K là phù hợp.

[13]. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326 Nghị quyết 326/2016/UBTVH ngày 16/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Sỹ C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[14]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Sỹ C 13 (Mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 16 (Mười sáu) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/01/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh Lê Đức M số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đặng C K số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của BLDS.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo những giấy tờ bao gồm: 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 240141707376 mang tên Nguyễn Sỹ C; 01 Chứng minh nhân dân số 1219800150 mang tên Nguyễn Sỹ C; 01 Sổ hộ khẩu số 040466087 mang tên Nguyễn Sỹ C.

- Trả lại bị cáo: 01 Giấy chứng nhận kiểm số 4234614; 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031870 thật; 01 điện thoại nhãn hiệu SamSung Imeil số 352141100509138/01; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 98A-169.47 số khung 3EM8J3600387, số máy 1TRA424907 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031870 giả mang tên Nguyễn Sỹ C.

(Vật chứng của vụ án được chuyển giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh B theo Quyết định chuyển vật chứng số 22/QĐ- VKS-P2 ngày 12/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B B).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Sỹ C phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 40.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT- C an tỉnh B;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh B;
- Trại tạm giam C an tỉnh B;
- Bị cáo;
- Lưu HS,THS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

